TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày: 29- 01- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến T, sinh năm 1979 tại Hải Dương; ĐKHKTT: Đường H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1949. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo có vợ là Phùng Thị H (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2003; Bị cáo bị tạm giữ ngày 17 tháng 10 năm 2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20 tháng 10 năm 2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2017, Công an huyện A kết hợp với Công an xã Đ kiểm tra quán cà phê ở ven Quốc lộ 5, thuộc địa bàn thôn T, xã Đ, huyện A, Hải Phòng do Nguyễn Tiến T làm chủ. Lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang tại phòng nghỉ thứ nhất ở gian cuối cùng của quán có Chu Thị L,

sinh năm 1989; ĐKHKTT: Thôn K, xã P, huyện M, thành phố Hà Nội đang bán dâm cho Nguyễn Văn M, sinh năm 1996, ĐKHKTT: Thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng và bắt quả tang tại phòng nghỉ thứ hai liền kề phòng nghỉ thứ nhất có Nguyễn Thị S, sinh năm 1981; ĐKHKTT: Thôn S, xã P, huyện B tỉnh Lào Cai đang bán dâm cho Chung Thanh Q, sinh năm 1997; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, Hải Phòng. Vật chứng thu giữ gồm: 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 13 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP, bên trong mỗi hộp có 03 bao cao su và số tiền 1.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến T về tội "Chứa mại dâm" theo Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến T khai nhận: Năm 2012 T thuê nhà ở ven Quốc lộ 5 thuộc thôn T, xã Đ, huyện A, Hải Phòng của ông Ngô Thế T, sinh năm 1954 ở thôn C, xã L, huyện A, Hải Phòng làm quán kinh doanh cà phê, nước giải khát. Đến đầu tháng 10 năm 2017, T nảy sinh ý định chứa mại dâm để kiếm thêm thu nhập. Quán có ba nhân viên nữ bán dâm là Chu Thị L, Nguyễn Thị S và Trần Thị T. T thỏa thuận với các gái bán dâm mỗi lần khách vào mua dâm T thu 200.000 đồng, gái bán dâm được hưởng 90.000 đồng, T hưởng 110.000 đồng. T trực tiếp mua bao cao su để nhân viên sử dụng bán dâm cho khách. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/10/2017, T đang ở quán cùng với L, S và T thì có Đỗ Hồng S, sinh năm 1997 ở thôn T, xã Đ, huyện A, Hải Phòng; Nguyễn Văn M, sinh năm 1996, ở thôn H, xã A, huyện A, Hải Phòng; Chung Thanh Q, sinh năm 1997 và Phạm Văn A, sinh năm 1997, cùng ở thôn Đ, xã Đ, huyện A, Hải Phòng rủ nhau đến quán ngồi uống nước và mua dâm. S hỏi T "quán có nhân viên không". T hiểu ý S hỏi là có gái bán dâm không nên trả lời "có". S hỏi tiếp "bao nhiêu tiền 01 lần?" thì T trả lời "Hai trăm nghìn". Sau đó T bố trí L bán dâm cho M tại phòng nghỉ thứ nhất, Son bán dâm cho S tại phòng nghỉ thứ hai. Khi S và S mua bán dâm xong đi ra quầy lễ tân ngồi uống nước thì T tiếp tục sắp xếp S bán dâm cho Q tại phòng nghỉ thứ hai, còn A chỉ ngồi uống nước không mua dâm. Lúc này S thanh toán cho T 600.000 đồng tiền mua dâm của S, M và Q. Trong khi L và M, S và Q đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. T khai nhận ngày 16 tháng 10 năm 2017 là lần đầu tiên T tổ chức hoạt động mua bán dâm tại quán. Trong số tiền 1.500.000 đồng bị cáo giao nộp có 600.000 đồng tiền bán dâm, còn lại 900.000 đồng là tiền do bị cáo bán cà phê mà có.

Công bố lời khai của những người làm chứng có nội dung như bị cáo khai nhận tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Chứa mại dâm và áp dụng Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T từ 15

đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 5 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 13 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (bên trong mỗi hộp có 03 bao cao su).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đồng và tạm giữ số tiền 900.000đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tiến T để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Tiến T tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện A lập hồi 17 giờ 30 ngày 16 tháng 10 năm 2017, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Tiến T có hành vi dùng địa điểm kinh doanh do bị cáo quản lý cho ba đôi trai gái thực hiện việc mua bán dâm nên đã vi phạm Điều 254 Bộ luật Hình sự 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến T đã có hành vi cho 03 đôi trai gái mua bán dâm tại quán của bị cáo quản lý nhưng những người mua dâm là cùng một nhóm do một người giao dịch và trả tiền cho bị cáo nên hành vi chứa mại dâm của bị cáo vào ngày 16 tháng 10 năm 2017 được xác định là một lần do vậy hành vi của bị cáo đã vi phạm Khoản 1 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015, tại Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội Chứa mại dâm có mức hình phạt nhẹ hơn Khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999. Nên áp dụng Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015 để xử lý bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội:

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc, ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn hóa, đạo đức xã hội, nếp sống văn minh gây mất trật tự xã hội, gây nên dư luận xấu ở địa phương. Mại dâm là một tệ nạn xã hội, việc mua bán dâm là một trong những nguyên nhân lây nhiễm các căn bệnh nguy hiểm như giang mai, hoa L, đặc biệt là căn bệnh HIV/AIDS. Do vậy cần phải xử nghiêm mới có tác dung cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có công với cách mạng, mẹ bị cáo tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, Huy chương chiến sĩ vẻ vang, Huy chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất. Khi bị bắt bị cáo đã tự nguyện nộp lại 1.500.000đồng và 03 hộp bao cao su, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; nên khi lượng hình cần áp dụng điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Tiến T, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng đã ly hôn hiện tại bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ, bố mẹ bị cáo có đơn bảo lãnh nhận trách nhiệm giám sát, giáo dục nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện ổn định kinh tế gia đình và chăm sóc các con nhỏ.

- Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn thu nhập không ổn định và đang nuôi 02 con nhỏ nên phạt bị cáo mức khởi điểm 5.000.000đồng là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 13 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (trong mỗi hộp có 03 bao cao su) là vật chứng của vụ án; Hội đồng xét xử xét 02 vỏ bao cao su và 02 bao cao su đã sử dụng giá trị sử dụng không còn, 13 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (bên trong mỗi hộp có 03 bao cao su) giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 600.000đồng thu giữ của bị cáo là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 900.000đồng là tiền thu nhập hợp pháp của bị cáo nên tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến T phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Khoản 5 Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến T 5.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 13 hộp bao cao su nhãn hiệu VIP (bên trong mỗi hộp có 03 bao cao su).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 600.000đồng và tạm giữ số tiền 900.000đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tiến T để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 01 năm 2018).

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh